TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/HS-ST
Ngày 04-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Thân Trọng Khôi
- *Các hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Quang Vinh.
Ông Nguyễn Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 04/6/2024 tại điểm cầu trực tuyến Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và điểm cầu trực tuyến Trại tạm giam, Công an tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-HS ngày 15/5/2024 đối với các bị cáo:

1. Hà Văn D, sinh năm 1993;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn C, xã T, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông: Hà Văn T, sinh năm 1970 làm ruộng trú tại thôn C, xã T, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; con bà: Bùi thị H, sinh năm 1970 (đã chết); gia đình có hai chị em bản thân là thứ hai. Vợ Bàn Thị K, sinh năm 1995 (đã ly hôn) và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2020.

- Tiền án:

Bản án số 06/2018/HS-ST ngày 08/02/2018 của Tòa án nhân nhân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt bị cáo D 10 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/9/2018, bị cáo đã nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm ngày 03/4/2018, nhưng chưa chấp hành xong phần trách nhiệm dân sự của bản án.

Bản án số 15/2022/HS-ST ngày 23/6/2022 của Tòa án nhân nhân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt bị cáo D 01 năm tù giam về tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/02/2023, nộp xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 28/10/2022.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/02/2024 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt tại phiên toà).

2. Hà Anh T, sinh năm 1988;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã T, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông: Hà Văn H, sinh năm 1961; con bà: Giáp Thị H, sinh năm 1965 đều làm ruộng trú tại Thôn C, xã T, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; gia đình có hai anh em bản thân là thứ nhất. Vợ: Lý Ngọc Á, sinh năm 1988 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án: Không có.

Tiền sự: Ngày 25/12/2023, T bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản" nhưng T chưa nộp phạt.

Bị cáo bị bắt theo Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/02/2024 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt tại phiên tòa).

- Người bị hại:

1. Anh Bùi Văn T, sinh 1975 (vắng mặt);

Nơi cư trú: TDP T, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Nguyễn Thị N, sinh 1991 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn A, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Thị H, sinh 1986 (vắng mặt);

Nơi cư trú: TDP số 3, thị trấn K, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Đặng Văn T1, sinh năm 1995 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hà Văn D, sinh năm 1993 và Hà Anh T, sinh năm 1988 cùng trú tại thôn C, xã T, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang có mối quan hệ họ hàng, thường đi chơi qua lại với nhau. Trong các ngày 24, 25/02/2024, D đã thực hiện 02 vụ "Trộm cắp tài sản" trên địa bàn huyện Lạng Giang, trong đó có 01 vụ thực hiện cùng với T, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Buổi trưa ngày 24/2/2024, D đi bộ một mình từ nhà đến tổ dân phố Đ, thị trấn V, huyện Lạng Giang để xem hội. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, khi D đi đến gần khu vực hội thì nhìn thấy có 01 chiếc xe mô tô SYM, biển kiểm soát 29X1-6596, có lắp giá chở hàng phía sau của ông Bùi Văn T, sinh năm 1975, trú tại: tổ dân phố T, thị trấn V, huyện Lạng Giang dựng ở rìa đường, khu vực gần cổng nhà ông Đỗ Huy L, sinh năm 1948, ở tổ dân phố Đ, thị trấn V, huyện Lạng Giang nhưng không có người trông giữ, nên D nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô này. Để thực hiện ý định, D đi đến vị trí chiếc xe, kiểm tra thì thấy xe không khoá cổ nên D dùng tay phải dứt dây điện ở ổ khoá điện rồi ngồi lên xe dùng chân đạp cần khởi động để xe nổ máy.

Sau đó, D điều khiển chiếc xe mô tô trộm cắp được của ông T đi đến nhà chị Trần Thị H, sinh năm 1986, ở tổ dân phố số 3, thị trấn K, huyện Lạng Giang đặt chiếc xe lại cho chị H để làm tin và vay số tiền 700.000 đồng, số tiền vay được D chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 25/02/2024, D gọi điện thoại rủ T đi trộm cắp xe mô tô để làm phương tiện đi lại hoặc bán lấy tiền chi tiêu, T đồng ý. Khoảng 19 giờ cùng ngày, T sử dụng xe mô tô Honda Wave màu đen bạc (T khai không nhớ biển số) chở D đi từ nhà đến địa bàn xã X, huyện Lạng Giang để tìm và trộm cắp xe mô tô. Khi T chở D đi đến đoạn đường trước cửa nhà chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991, ở địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện Lạng Giang, thì D phát hiện thấy chiếc xe mô tô hiệu Wave RSX, màu đỏ đen, biển kiểm soát 98Y2-7759 của chị N dựng trước cửa nhà, theo hướng đầu xe quay vào trong nhà đuôi xe quay ra ngoài đường nhưng không có người trông coi. D bảo T dừng xe đứng cảnh giới để D xuống xe đi bộ đến vị trí chiếc xe mô tô của chị N dùng vam phá khóa đã chuẩn bị từ trước chọc vào ổ khóa điện của xe vặn theo chiều kim đồng hồ thì mở được khóa xe. Sau khi mở được khóa, D dùng chân đạp nổ máy xe trộm cắp được đi trước còn T điều khiển xe đi sau rời khỏi hiện trường. Khi về gần đến nhà, D dừng xe lại tháo biển số 98Y2-7759 vứt xuống mương nước ở rìa đường rồi cả hai đi về nhà ngủ. Đến chiều ngày 26/02/2024, D tháo yếm, đèn chiếu sáng phía trước, ốp nhựa phía trước, phía sau, giá để đồ của chiếc xe trộm cắp được ra, cất giấu ở nhà và sử dụng chiếc xe trộm cắp được làm phương tiện đi lại.

Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, trong các ngày 25/02/2024, ngày 01/3/2024, chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn T có đơn trình báo gửi Công an huyện Lạng Giang về việc bị mất trộm các tài sản nêu trên. (BL: 28-29, 45-46)

Ngày 26/02/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lạng Giang (Cơ quan điều tra) triệu tập D đến làm việc thì D đầu thú về hành vi "Trộm cắp tài sản" và giao nộp: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu đen lắp sim số 0911.167.284 (được niêm phong ký hiệu "Điện thoại tạm giữ của Hà Văn D" và 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave RSX, màu đỏ đen (không biển số). (BL: 61-62)

Cùng ngày 26/02/2024, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp chỗ ở của D thì phát hiện, thu giữ: 01 vật bằng kim loại, hình chữ (L) quấn chun cao su màu đen bên ngoài, một đầu hình lục lăng, 01 vật bằng kim loại sáng màu, 01 đầu dẹt nhọn đầu còn lại hình lục lăng (được niêm phong ký hiệu PS1.2110940); 01 túi nhựa màu đen, trắng, bên trong có: 01 giá để đồ ở khung xe, 01 bộ cánh yếm hai xe mô tô, 01 ốp nhựa phía trước, 01 bộ ốp nhựa hai bên sườn xe, 01 ốp nhựa phía trên khung xe, 01 đèn chiếu sáng phía trước và ốp nhựa xung quanh xe. (BL: 91-95)

Ngày 27/02/2024, Cơ quan điều tra ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Hà Anh T về hành vi "Trộm cắp tài sản". Quá trình bắt giữ Cơ quan điều tra thu giữ của T: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số máy IMEI 353420090987549, lắp sim số 0978.332.926 (được niêm phong ký hiệu "Điện thoại tạm giữ của Hà Anh T"). Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ: 01 biển số xe 98Y2 - 7759 của chị Nguyễn Thị N tại mương nước ở rìa đường trên địa bàn thôn C, xã T, huyện Lạng Giang. (BL: 21, 115-116)

Ngày 03/3/2024, Cơ quan điều tra tiến hành làm việc với chị Trần Thị H thì chị H trình bày: Ngày 24/02/2024, chị H có cho D đặt chiếc xe mô tô SYM, biển số 29X1 - 6596 và 01 giá chở hàng làm tin để vay số tiền 700.000 đồng nhưng chị không biết

chiếc xe trên là tài sản do D phạm tội mà có. Đồng thời, chị H giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 chiếc xe mô tô SYM, biển số 29X1 - 6596 và 01 giá chở hàng. (BL: 118-122)

Tại kết luận định giá tài sản số 13 ngày 26/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lạng Giang, kết luận: "Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen, biển kiểm soát 98Y2-7759 đăng ký lần đầu là năm 2009, tại thời điểm tháng 02/2024 có giá là 4.500.000 đồng". (BL: 129)

Tại kết luận định giá tài sản số 27 ngày 22/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lạng Giang, kết luận: "Chiếc xe mô tô hiệu SYM, biển kiểm soát 29X1-6596, xe đăng ký lần đầu vào tháng 11/2006, tại thời điểm ngày 24/02/2024 có giá là 1.000.000 đồng; 01 giá chở hàng làm bằng sắt tròn có kích thước (40 x 60) cm, đường kính 01cm, nặng 07 Kg, tại thời điểm ngày 24/02/2024 có giá là 200.000 đồng. Tổng trị giá tài sản cần định giá là 1.200.000 đồng". (BL: 131)

Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên; Người bị hại, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều có lời khai phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai như đã khai tại cơ quan điều tra và Viện kiểm sát. Các Bị cáo khẳng định việc các bị cáo khai tại cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn tự nguyện, không hề bị cưỡng bức, đánh đập, ép buộc hay bị bức cung hoặc dùng nhục hình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang xác định lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và tại phiên tòa hôm nay đều phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai Người bị hại, lời khai Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; phù hợp với thời gian, địa điểm phạm tội; sơ đồ và bản ảnh hiện trường; vật chứng thu giữ; kết luận định giá tài sản; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Hà Văn D, Hà Anh T đều phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Điều 292; 299; 326; 331; 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Hà Văn D từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 26/02/2024. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo D. Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Điều 292; 299; 326; 331; 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Hà Anh T từ 07 đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 27/02/2024. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo T. Ngoài ra còn đề nghị xem xét trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Các Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với bản luận tội và buộc tội của vị đại diện Viện kiểm sát, mà đều xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật

tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi và quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó xác định, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, Người bị hại, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt. HĐXX thấy sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng này không gây trở ngại tới việc xét xử đối với vụ án và các bị cáo. Do vậy, HĐXX căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi phạm tội, tội danh và khung hình phạt áp dụng: Các bị cáo Hà Văn D, Hà Anh T đều là các đối tượng nghiện ma tuý. Trong các ngày 24/02/2024 và 25/02/2024, Hà Văn D là người có 02 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Lạng Giang, trong đó có 01 vụ trộm cắp D thực hiện cùng với Hà Anh T. Cụ thể như sau: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 24/2/2024, tại tổ dân phố Đ, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, Hà Văn D có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, biển kiểm soát 29X1-6596 và 01 giá chở hàng bằng sắt nặng 07 kg, trị giá 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) của ông Bùi Văn T. Khoảng 19 giờ ngày 25/02/2024, tại thôn A, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, Hà Văn D và Hà Anh T cùng nhau trộm cắp 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave RSX, màu đỏ đen, biển kiểm soát 98Y2-7759, trị giá 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) của chị Nguyễn Thị N.

Tổng giá trị tài sản D trộm cắp là 5.700.000 đồng (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng). Trị giá tài sản T trộm cắp là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Khoản 1 Điều 173 và Điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

"*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng . . ., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm".*

"2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm;

a) . . .

g) Tái phạm nguy hiểm"

Như vậy, HĐXX xét thấy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Hà Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Hà Anh T phạm tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Do vậy cần xử lý đối với các bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Cáo trạng số 46/CT-VKS ngày 08/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang đã truy tố đối với các bị cáo Hà Văn D, Hà Anh T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đây là vụ án trộm cắp tài sản có đồng phạm mang tính giản đơn, Hà Văn D là người chủ mưu khởi xướng, chuẩn công cụ dụng cụ, rủ rê lôi kéo, nên giữ vai trò chính trong vụ án.

Hà Anh T là người giúp sức thực hiện tội phạm đến cùng, nên giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

Các Bị cáo đều là những người có nhân thân xấu. Bị cáo T có một tiền sự. Bị cáo D có hai tiền án, đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên đã bị truy tố với tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, phạm tội lần này ngoài tình tiết định khung hình phạt ra, thì không có tình tiết nào làm tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các Bị cáo đều xuất thân từ thành phần con em người lao động, tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, sau khi phạm tội bị cáo D đã ra đầu thú. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nên cần cho bị cáo D hưởng điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo T hưởng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình, để các bị cáo sớm có điều kiện trở về làm ăn lương thiện cùng với gia đình.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các Bị cáo trộm cắp tài sản nhằm mục đích lấy tiền chi tiêu, thoả mãn nhu cầu cá nhân, gây thiệt hại về tài sản cho người bị hại, nên ngoài hình phạt chính lẽ ra cần áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo để sung công quỹ nhà nước. Song xét thấy bị cáo D gia đình thuộc diện hộ nghèo, bị cáo T điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, bản thân không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng, sống phụ thuộc gia đình, nên cần miễn áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo, để các bị cáo yên tâm cải tạo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chiếc xe mô tô hiệu RSX, màu đỏ đen, biển kiểm soát 98Y2-7759, 01 giá để đồ ở khung xe, 01 bộ cánh yếm xe mô tô, 01 ốp nhựa phía trước, 01 bộ ốp nhựa hai bên sườn xe, 01 ốp nhựa phía trên khung xe, 01 đèn chiếu sáng phía trước và ốp nhựa sung quanh xe là tài sản của chị N; 01 chiếc xe mô tô SYM, biển kiểm soát 29X1 - 6596 và 01 giá chở hàng là tài sản của ông T. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản trên cho chị N và ông T. Chị Nguyễn Thị N và ông Bùi Văn T đã nhận lại tài sản và không yêu các bị cáo bồi thường gì thêm. Chị Trần Thị H không yêu cầu bị cáo D trả lại số tiền 700.000đ đã vay, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại Nokia mầu đen số seri 3573020875571781 được để trong 01 phong bì thư của Công an huyện Lạng Giang được niêm phong theo quy định. 01 điện thoại Nokia mầu đen số seri 353420090987549 được để trong 01 phong bì thư của Công an huyện Lạng Giang được niêm phong theo quy định. Đây là công cụ các bị cáo sử dụng để liên lạc rủ nhau đi trộm cắp nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với 01 vật bằng kim loại hình chữ (L) quấn chun cao su mầu đen bên ngoài, một đầu hình lục lăng và 01 vật kim loại sáng mầu một đầu dẹt nhọn đầu còn lại hình lục lăng được để trong 01 túi niêm phong có mã số PS1.2110940 được niêm phong theo quy định. Cùng 01 túi nhựa có hoa văn mầu đen, trắng. Đây là vật chứng, công cụ, dụng cụ các bị cáo sử dụng vào việc thực hiện tội phạm giá trị không lớn cần tịch thu tiêu huỷ.

[7] Các vấn đề khác: Đối với chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave màu đen bạc (không rõ biển kiểm soát) là phương tiện T chở D đi trộm cắp tài sản. Kết quả điều tra xác định chiếc xe trên là của anh Đặng Văn T1, sinh năm 1995, trú tại: thôn B, xã T, huyện Lạng Giang, anh T1 cho T mượn xe để đi giải quyết công việc cá nhân và không biết việc T sử dụng chiếc xe của mình đi trộm cắp tài sản nên anh T1 không vi phạm pháp luật. Sau khi được T trả xe, anh T1 đã bán lại chiếc xe này cho một người không quen biết nên Cơ quan điều tra không tạm giữ được phương tiện để xác minh làm rõ nguồn gốc.

Đối với chị Trần Thị H nhận đặt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29X1-6596 làm tin và cho D vay 700.000đ, nhưng chị H không biết chiếc xe trên là tài sản do D phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không đề cập xử lý, HĐXX xét thấy là phù hợp.

Án phí: Bị cáo T phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo D.

Bị cáo, Người bị hại, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Điều 292; 299; 326; 331; 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Hà Văn D 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 26/02/2024.

* Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Điều 292; 299; 326; 331; 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Hà Anh T 07 (Bẩy) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 27/02/2024.

* Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 vật bằng kim loại hình chữ (L) quấn chun cao su mầu đen bên ngoài, một đầu hình lục lăng và 01 vật kim loại sáng mầu một đầu dẹt nhọn đầu còn lại hình lục lăng được để trong 01 túi niêm phong có mã số PS1.2110940 được niêm phong theo quy định. Cùng 01 túi nhựa có hoa văn mầu đen, trắng.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại Nokia mầu đen số seri 3573020875571781 được để trong 01 phong bì thư của Công an huyện Lạng Giang được niêm phong theo quy định. 01 điện thoại Nokia mầu đen số seri 353420090987549 được để trong 01 phong bì thư của Công an huyện Lạng Giang được niêm phong theo quy định.

* Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 21, 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hà Văn D. Bị cáo Hà Anh T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án.

Án xử sơ thẩm công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- Công an huyện Lạng Giang;
- Trại tạm giam;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang
- Bị cáo;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Thân Trọng Khôi